

ĐỖ HỮU TÀI - BÙI QUANG HUY

370.959 775

ĐC

B 100 TR

310 *năm*

GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO

BIÊN HOÀ

ĐỒNG NAI



NHÀ XUẤT BẢN ĐỒNG NAI



ĐỖ HỮU TÀI

Sinh ngày 11.2.1948

tại Tân Uyên, Bình Dương

- **Tốt nghiệp ĐHSP
Sài Gòn (1970),**
- **Thạc sĩ Giáo dục (2000),**
- **Tiến sĩ Kinh tế (2003, USA)**
- **Nhà giáo ưu tú (1993)**
- **Hiệu trưởng Trường THPT
Ngô Quyền (1989-1993),**
- **Phó GD Sở Giáo dục -
Đào tạo
Đồng Nai (1993 - 2008)**
- **Hiện là: Chủ tịch HĐQT
Trường Đại học Lạc Hồng**

310 *năm*
GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO
BIÊN HOÀ
ĐÔNG NAI

370.959 775

ĐỒ HỮU TÀI B 100 TR
BÙI QUANG HUY

310 năm
GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO
BIÊN HOÀ
ĐỒNG NAI

2015/ĐC/W

900910

THƯ VIỆN
TỈNH ĐỒNG NAI

NHÀ XUẤT BẢN ĐỒNG NAI

2010

MỘT ĐÓNG GÓP QUÝ BÁU VÀO KHO TÀNG LỊCH SỬ GIÁO DỤC NƯỚC NHÀ...

GS.VS. PHẠM MINH HẠC



Tôi rất hân hạnh được viết mấy lời đề tựa cho cuốn sách này. Một cuốn sách không dày, nhưng thật phong phú, chứa đựng bao nhiêu sự kiện, bao nhiêu con người đại diện cùng

với nhân dân một vùng đất nổi tiếng ở phía Nam Tổ quốc, đã góp phần tạo dựng và phát triển bộ mặt tinh thần, sức mạnh trí tuệ, vẻ đẹp tâm hồn, cùng với nhân dân các dân tộc cư trú trên lãnh thổ nước nhà sáng tạo nên một nền văn hóa, văn minh Việt Nam.

Qua cuốn sách, ta thấy được Biên Hòa - Đồng Nai cùng với cả nước thực sự là quê hương có truyền thống hiếu học, tôn sư trọng đạo, thế kỉ nối tiếp thế kỉ, vun trồng sự nghiệp giáo dục

với những thành tích rõ nét nhất từ thời văn hóa bản địa gặp văn hóa Thăng Long diễn ra từ hai, ba trăm về trước, với Văn miếu Trấn Biên được dựng lên từ đầu thế kỉ XVIII như một biểu tượng của đỉnh cao văn hóa, với những trí thức đỗ đạt làm nòng cốt ban đầu cho hệ thống trường lớp của địa phương hình thành. Rồi qua thế kỉ này giáo giới Biên Hòa - Đồng Nai cùng trí thức cả nước kiên trì và anh dũng chống chính sách ngu dân của chế độ thực dân, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, Hội Truyền bá Quốc ngữ cũng ra đời đã đem lại chữ nghĩa cùng sự giác ngộ cách mạng cho một số không nhỏ người dân nơi đây. Bên cạnh đó, có thêm một số trường tiểu học cùng một vài trường nghề, trường chuyên nghiệp cũng là nơi đào tạo một số cán bộ trí thức cách mạng góp sức vào thắng lợi của cách mạng và kháng chiến.

Kể từ ngày đại thắng mùa xuân 1975, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, giáo dục Đồng Nai đã chuyển sang một thời kì phát triển mạnh mẽ hơn bao giờ hết, cùng với cả nước xây dựng và hoàn thiện nền Quốc học nhân dân.

Với đường lối đổi mới do Đảng Cộng sản Việt Nam khởi xướng và lãnh đạo, giáo dục Đồng Nai cùng với giáo dục cả nước đạt được những thành tích to lớn. Nhất là trong phong trào thực hiện Nghị quyết BCHTW Đảng lần thứ 4 (khóa VII) và lần thứ hai (khóa VIII), giáo dục Đồng Nai ngày càng tiến lên đạt những đỉnh cao

mới, trong đó đặc biệt phải kể đến sự kiện Đồng Nai đã đạt chuẩn quốc gia về xóa mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học và thành lập được Trường Đại học Lạc Hồng – hai mốc lớn trong lịch sử văn hóa Đồng Nai, một mốc đánh dấu mặt bằng dân trí đã lên đến tiểu học, một mốc đánh dấu tầm cao mới đào tạo người tài của xứ sở văn minh này.

Nhiệm vụ của chúng ta, những người hậu thế, là sống và làm việc sao cho xứng đáng với truyền thống cha ông đã dựng xây và bảo vệ đất nước này, xứ sở này, tiếp tục không ngừng nâng cao dân trí, tăng cường đào tạo nhân tài - và tất cả tạo nên nguồn nhân lực có thể lực, trí lực, tâm lực để đưa quê hương cùng cả nước tới chỗ có cuộc sống thanh bình, giàu đẹp, công bằng, hạnh phúc.

Nhân dịp này, cho phép tôi nhiệt liệt chúc mừng giáo dục Đồng Nai và tỏ lời hoan nghênh tác phẩm *Giáo dục Biên Hòa - Đồng Nai* – một đóng góp quý báu vào kho tàng lịch sử giáo dục nước nhà, rất đáng được trân trọng và thật sự bổ ích cho các nhà nghiên cứu và quản lí giáo dục ⁽¹⁾.

Hà Nội, 12.9.1999

(1). Lời tựa của GS, VS Phạm Minh Hạc cho lần xuất bản đầu tiên của cuốn sách, năm 2002. Nhân dịp cuốn sách được biên soạn, chỉnh lí và bổ sung, chúng tôi xin phép GS, VS Phạm Minh Hạc được đăng lại để lưu dấu một kỉ niệm của các tác giả với một nhà giáo từng đảm trách Bộ trưởng Bộ Giáo dục của nước ta.

LỜI THƯA TRƯỚC

Giáo dục là thành tố quan trọng trong nền văn hóa ở mỗi dân tộc và quốc gia. Giáo dục vừa là động lực thúc đẩy quá trình phát triển của dân tộc, vừa là kết quả tất yếu của những yếu tố kinh tế - xã hội, truyền thống của nhân dân.

Từ ngàn xưa, hiếu học và tôn sư trọng đạo đã trở thành nét đẹp truyền thống của dân tộc Việt Nam. Vì thế, dù chỉ chính thức trở thành vùng đất thiêng liêng của Tổ quốc từ năm 1689, khi Lê Thành hầu Nguyễn Hữu Cảnh vâng lệnh chúa Nguyễn kinh lược miền Nam, nhưng Biên Hòa - Đồng Nai đã sớm phát triển về giáo dục. Trải qua nhiều thăng trầm của lịch sử, khi chiến tranh phong kiến kéo dài, lúc chìm đắm dưới ách thống trị của chế độ thực dân, giáo dục Biên Hòa - Đồng Nai không thể không chịu những ảnh hưởng của các chế độ đương thời. Tuy nhiên, giáo dục vẫn luôn đạt được những giá trị to lớn, góp

phần chủ yếu nâng cao dân trí, đào tạo đội ngũ trí thức, nghệ nhân, công nhân lành nghề qua các thời đại. Bởi vậy, dựng lại bức tranh giáo dục Biên Hòa - Đồng Nai xưa và nay không hẳn chỉ là chuyện ghi danh quá khứ. Những kinh nghiệm, thành tựu, thậm chí thất bại, yếu kém của giáo dục một thời vẫn có nhiều giá trị cho việc tiếp tục phát triển và đổi mới sự nghiệp trồng người ngày nay.

Ở Đồng Nai, cho đến nay, vẫn chưa có một cuốn sách viết riêng về lịch sử giáo dục của địa phương, dù chỉ ở một thời kì nào. *310 năm Giáo dục – Đào tạo Biên Hòa - Đồng Nai* là kết quả nghiên cứu, biên soạn còn khiêm tốn của các tác giả.

310 năm là một con số mang tính ước lệ dùng để chỉ một tiến trình lịch sử lâu dài của nền giáo dục vùng đất Biên Hòa – Đồng Nai kể từ khi Lễ Thành hầu Nguyễn Hữu Cảnh lấy xứ Đồng Nai làm huyện Phước Long, đặt dinh Trấn Biên đến nay. Dĩ nhiên, trước khi Biên Hòa và cả Nam Bộ trở thành giang sơn gấm vóc của nước Việt, không phải không có những hình thức tổ chức giáo dục, dù còn đơn sơ nhưng để có một nền giáo dục thực thụ phải mất nhiều năm sau đó.

Công trình này là kết quả tìm hiểu của các tác giả, một người vốn có cơ duyên tham gia biên soạn bộ *Địa chí Đồng Nai*; một người may mắn được sinh trưởng ở Biên Hòa, đi học rồi làm nghề thầy giáo, quản lí giáo dục trên vùng đất quê hương.

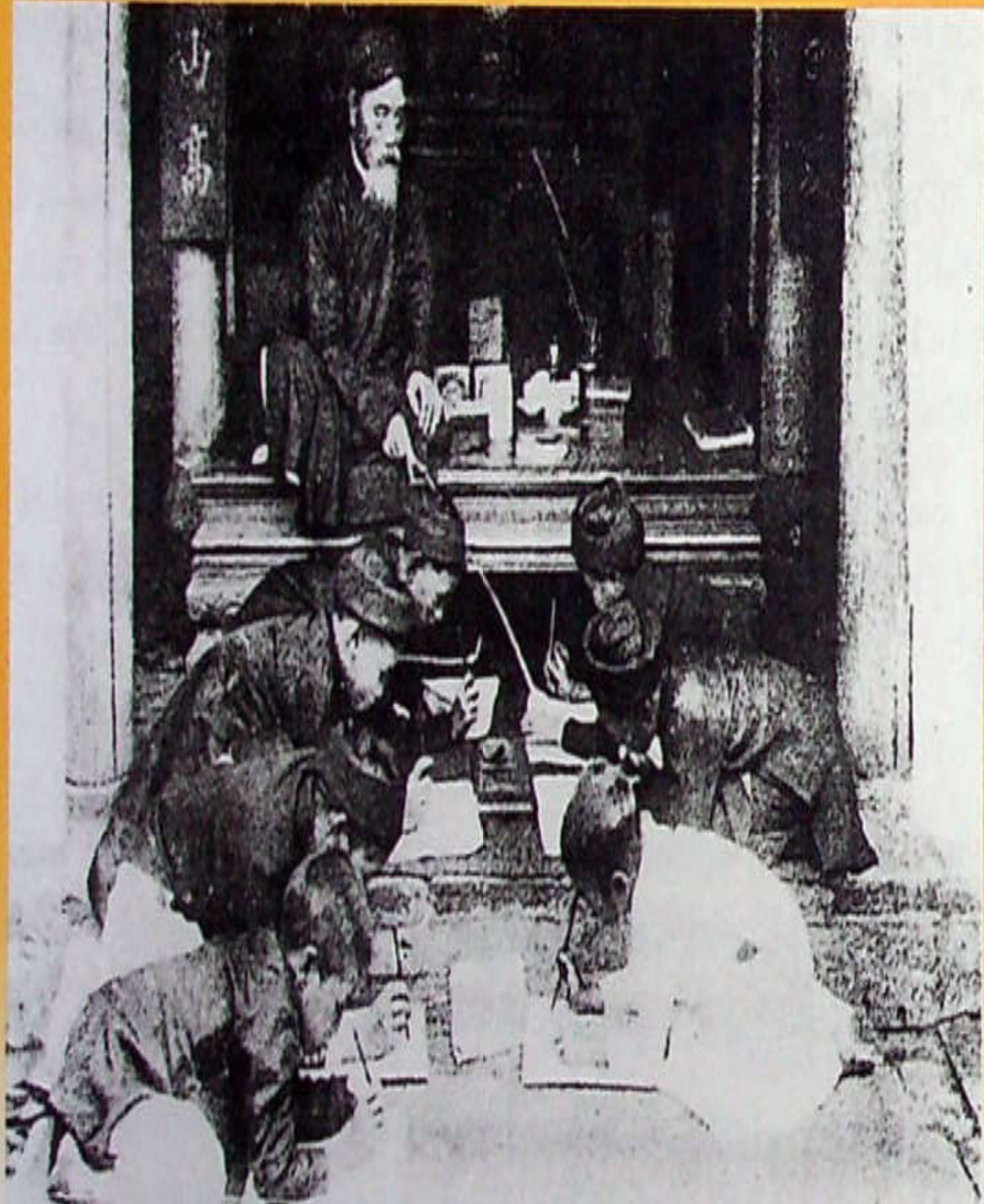
Nhân cuốn sách ra mắt bạn đọc, chúng tôi xin chân thành cảm ơn Giáo sư, Viện sĩ Phạm Minh Hạc, nguyên Ủy viên BCH Trung ương Đảng, Phó trưởng ban thứ nhất Ban Khoa giáo TW, Viện trưởng Viện Nghiên cứu Con người, đã đọc bản thảo và viết lời tựa cho cuốn sách trong lần xuất bản năm 2002. Xin cảm ơn lãnh đạo Sở Giáo dục – Đào tạo, các đơn vị trực thuộc Sở và nhiều nhà giáo lão thành đã tận tình giúp đỡ tài liệu, hình ảnh. Đặc biệt, xin cảm ơn hai nhà giáo Vũ Đình Sùng (nguyên Trưởng phòng Kế hoạch - Tài vụ, Sở GD-ĐT), Lê Minh Thanh (nguyên Phó phòng Tổng hợp, Sở GD - ĐT) là những người đã tham gia biên soạn cuốn sách *Giáo dục – Đào tạo tỉnh Đồng Nai 25 năm xây dựng và trưởng thành (1975–2000)* của Sở GD – ĐT Đồng Nai (Nxb. Giáo dục, 2001) mà chúng tôi có kế thừa về tư liệu giáo dục Đồng Nai giai đoạn 1975-2000.

Dù có nhiều cố gắng, nhưng do nguồn tư liệu ít ỏi và sở học hạn chế của các tác giả, cuốn sách hẳn có những khiếm khuyết. Các tác giả mong đón nhận ý kiến đóng góp của bạn đọc gần xa.

Biên Hòa, cuối đông Kỷ Sửu

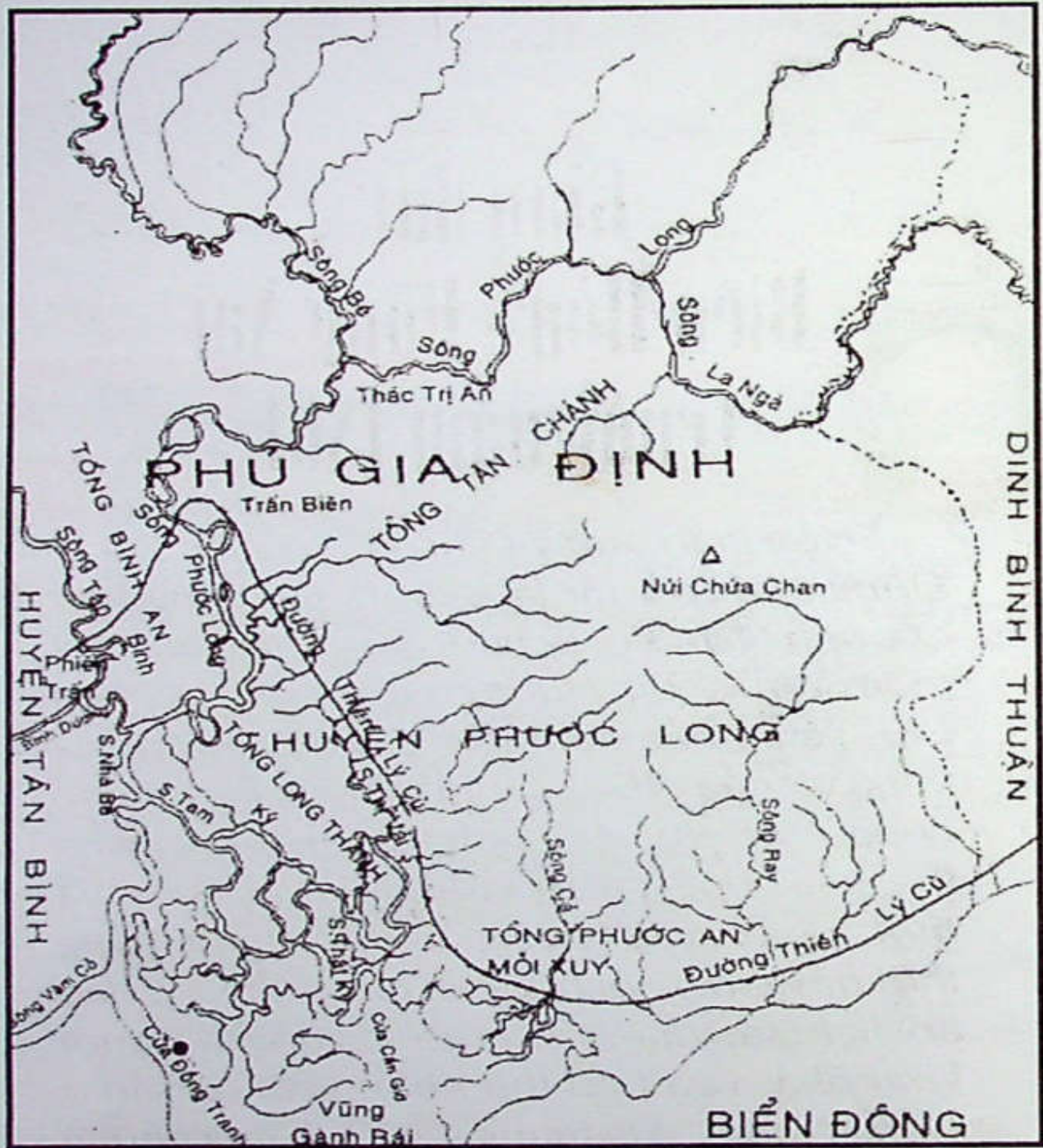
ĐỖ HỮU TÀI – BÙI QUANG HUY

CHƯƠNG MỘT



G IÁO DỤC BIÊN HÒA - ĐỒNG NAI TRƯỚC NĂM 1861

Nền giáo dục và khoa cử ở Biên Hòa - Đồng Nai (gọi tắt là Biên Hòa), cũng như các tỉnh Nam Bộ, từ buổi đầu đến năm 1864 (năm có kì thi Hương cuối cùng ở Nam Bộ), về cơ bản nằm trong nền giáo dục và khoa cử của chế độ phong kiến. Tuy nhiên, cũng như nhiều địa phương khác ở Nam Bộ, giáo dục tại Biên Hòa không phải là một “phiên bản” của giáo dục chính thống thời bấy giờ. Mỗi bước đi của nó mang dấu ấn lịch sử, địa lí của một vùng đất mới khai phá, vừa tiếp thu những cái có sẵn ở Đàng Ngoài, vừa mang cốt cách của những người đi mở cõi.



Năm 1698, Chúa Nguyễn cử Nguyễn Hữu Cảnh vào Nam kinh lý, lấy đất Đông Nai lập ra phủ Gia Định, hai huyện Phước Long và Tân Bình. Huyện Phước Long có 4 tổng là Tân Chánh, Bình An, Long Thành và Phước An.



Tượng Lê Thành hầu Nguyễn Hữu Cảnh, người đặt huyện Phước Long và dinh Trấn Biên (1698)



Đền thờ Trần Thượng Xuyên (đình Tân Lâm), người có công khai phá xứ Đồng Nai từ năm 1674.

T RONG BUỒI ĐÀU KHAIPHÁ

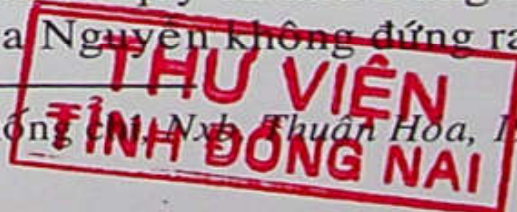


2015 ĐC W 000910

Trước khi Lễ Thành hầu Nguyễn Hữu Cảnh được chúa Nguyễn Phúc Chu phái kinh lược xứ Đồng Nai thì Nam Bộ vẫn còn là vùng đất hoang vu, dân cư thưa thớt. Năm 1698, khi Lễ Thành hầu Nguyễn Hữu Cảnh lấy xứ Đồng Nai làm huyện Phước Long, đặt dinh Trấn Biên *chiêu mộ dân xiêu tán từ Quảng Bình trở vào cho đến ở, chia đặt thôn ấp, người Thanh trú ngụ cũng biên vào sổ hộ* ⁽¹⁾. Cả một thời gian dài sau đó, nghĩa là sau khi có “bộ máy hành chính” các cấp tại Biên Hòa, dân cư ở đây vẫn còn khá ít ỏi, cuộc sống phần nhiều khó khăn. Đến năm 1776 (thời gian Lê Quý Đôn viết *Phủ biên tạp lục*, tập bút ký về Đàng Trong), Lê Quý Đôn cho biết vùng này vẫn còn đầy dẫy rừng rậm. Mặt khác, nguồn nhân lực còn ít ỏi này lại phải lo nuôi tập đoàn phong kiến nhà Nguyễn và chiến tranh liên tục tàn phá. Do đó, cả một thời gian dài, chỉ ít đến khi loạn thần Trương Phúc Loan bị diệt (năm 1776), nguồn nhân lực ở cả xứ Đồng Nai - Gia Định không hề được vun đắp. Sau sự kiện này, trước viễn cảnh bị tiêu diệt bởi phong trào nông dân Tây Sơn, các chúa Nguyễn đã chú trọng hơn đến việc phát triển giáo dục ở vùng đất mới nhưng mức độ vẫn không đáng kể.

Giáo dục và khoa cử dưới thời các chúa Nguyễn, về cơ bản, không khác gì so với các triều đại phong kiến trước đó. Ở một số mặt, lại không bài bản và quy củ như Đàng Ngoài. Thời này, các chúa Nguyễn không đứng ra lập trường

(1). Đại Nam nhất thống chí, Nxb. Thuận Hóa, 1992, tập 5, tr.36.



để lo việc học cho dân mà chỉ tổ chức các kì thi để tuyển chọn nhân tài. Việc duyệt tuyển bắt đầu từ năm 1631, thời chúa Hy Tông Nguyễn Phúc Nguyên (1613-1634) để lấy *Nhiêu học*. Nhưng mãi đến năm 1674, đời chúa Thần Tông Nguyễn Phúc Lan (1635-1648) mới có khoa thi *Chính đồ* và *Hoa văn* để lấy *Giám sinh*, *Sinh đồ*, *Nhiêu học*. Các kì thi ở thời các chúa Nguyễn về sau, như *Văn chức*, *Tam ty*... cũng không có gì khác hơn, chủ yếu vẫn là tuyển chọn những người làm công việc hành chính. Số người đi thi ít và cũng không được ghi chép lại. Lê Quý Đôn nhận xét: *Họ Nguyễn trước chuyên giữ một phương chỉ mở thi Hương, song chuyên dùng lại tư, không chuộng văn học, ít thu lượm người tuần dị. Mỗi khi có khảo thí thì lấy học sinh Hoa văn (thi viết chữ Hán – B.Q.H.) gấp 5 lần Chính đồ và những nơi quan yếu thì uỷ cho họ hàng coi giữ mà cho người đậu vào Hoa văn giúp việc. Người đậu thi Hương, bắt đầu bổ làm tri huyện, chỉ coi việc kiện tụng, thứ nữa là làm ký lục thì giữ việc đòi thu thuế khóa, những kẻ lớn, mưu lớn thì không hỏi han gì đến, còn bọn tiểu học hậu sinh thì cũng không thấy có sự nuôi dạy tác thành⁽¹⁾. Đã thế, việc tổ chức thi cử không lấy gì làm nghiêm túc và dễ dàng thay đổi ở mỗi đời chúa. Có kì thi như năm Tân Sửu (1721), chúa Hiến Tông Nguyễn Phúc Chu (1691-1725) đã đánh hỏng 77 người trúng cách sau khi tự mình ra đề kiểm tra. Đặc biệt, trong*

(1). Lê Quý Đôn toàn tập, tập 1: Phủ biên tạp lục, Nxb. Khoa học xã hội, 1977, tr. 242 – 243.

gần 2 thế kỉ nắm quyền thống trị Đàng Trong, các chúa Nguyễn chưa hề tổ chức thi Hội và thi Đình.

LÊ QUÝ ĐÔN

Lê Quý Đôn (tên lúc nhỏ là Nguyễn Danh Phương), tự Doãn Hậu, hiệu là Quế Đường, sinh năm 1724, đời Lê Dụ Tông (Bảo Thái thứ 7) tại làng Diên Hà, trấn Sơn Nam hạ (nay là thôn Phú Hiếu, xã Độc Lập, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình).



Từ nhỏ, Lê Quý Đôn đã nổi tiếng thần đồng. Tương truyền, mới 2 tuổi, Lê Quý Đôn đã biết đọc chữ *hữu* (có), chữ *vô* (không). 5 tuổi, đọc được nhiều thiên trong *Kinh Thi*, 11 tuổi đã học hết *Tứ thư*, *Ngũ kinh*, *Sử truyện*, thậm chí

cả *Chư tử*, trong một ngày có thể làm 10 bài phú mà không cần nháp.

Quý Hợi (1743), ông đỗ Giải nguyên trường Sơn Nam. Nhâm Thân (1752), đỗ đầu thi Hội, vào thi Đình cùng năm, đỗ Bảng nhãn (khoa này không lấy Trạng nguyên), được bổ làm Thụ thư ở Hàn Lâm viện. Giáp Tuất (1754), ông được bổ làm Toản tu Quốc Sử quán. 2 năm sau (1756), phụng mệnh Khâm sai tỉnh Sơn Nam, phát hiện nhiều vụ hối lộ tham quan. Tháng 5 cùng năm, được biệt phái sang phủ chúa Trịnh, coi Phiên binh (ngạch võ), tháng 8 đem quân đi đánh Hoàng Công Chất. Đến năm Đinh Sửu (1757), được thăng Thị giảng Hàn Lâm viện. Canh Thìn (1760), đi sứ nhà Thanh. Nhâm Ngọ (1762), làm Học sĩ ở Bí Thư các. Giáp Thân (1764), được bổ Đốc đồng Kinh Bắc, trong thời gian trấn nhậm, đã ngăn cấm các nhà quyền quý không được áp bức dân nghèo.

Vào năm Ất Dậu (1765), Lê Quý Đôn được bổ chức Tham chính xứ Hải Dương, nhưng ông từ quan, xin về viết sách, nghiên cứu. Hai năm sau, Đinh Hợi (1767), được khôi phục chức Thị thư, tham gia biên tập Quốc sử, kiêm Tu nghiệp Quốc Tử giám. Sang năm Kỉ Sửu (1769), làm Tán lí Quân vụ đi đánh Lê Duy Mật, sau được thăng Thị phó Đô ngự sử. Tháng 6, Canh Dần (1770), được thăng Công bộ Hữu thị lang. Nhâm Thìn (1772), đi điều tra nổi thống khổ của dân và sự nhũng lạm của quan lại ở Lạng Sơn. Quý Ty (1773), tháng 4, được bổ làm Bồi tụng ở phủ Chúa. Tháng 5, được lệnh làm Hộ tịch. Giáp Ngọ (1774), đi đo và xét ruộng cát ở

ven biển xứ Sơn Nam. Tháng 9, làm chức Lưu thủ ở Kinh đô, sau được thăng Tả thị lang Bộ Lại, kiêm Tổng tài Quốc Sử quán. Bính Thân (1776), được bổ làm Hiệp trấn, Tham tán quân cơ trấn Thuận Hóa. Mậu Tuất (1778), được bổ Hành Tham tụng, sau được chuyển sang ban võ làm Hữu hiệu điểm, quyền Phủ sự, tước Phái Nghĩa hầu. Tân Sửu (1781), làm Tổng tài Quốc Sử quán. Quý Mão (1783), làm Hiệp trấn xứ Nghệ An, sau thăng Thượng thư Bộ Công.

Ngày 14.4 Giáp Thìn (1784), Lê Quý Đôn mất tại làng Nguyễn Xá, huyện Duy Tiên, Hà Nam.

Lê Quý Đôn là học giả uyên bác, đa tài nhất thời kì phong kiến. Ông được xem là nhà bác học về lĩnh vực văn hóa của nước ta, không chỉ vào thời bấy giờ. Công trình trước tác và sự nghiệp sáng tác của ông gồm rất nhiều tác phẩm viết về nhiều thể loại như: Lịch sử, địa lí, văn học, ngôn ngữ, triết học.

Về sáng tác, Lê Quý Đôn có: *Quế Đường thi tập* (4 quyển), *Quế Đường văn tập* (3 quyển).

Về biên tập, Lê Quý Đôn là tác giả của *Toàn Việt thi lục* (10 quyển) và *Hoàng Việt văn hải* (10 quyển).

Về sử, ông biên soạn: *Đại Việt thông sử* (30 quyển), *Bắc sử thông lục* (3 quyển).

Về triết học, có: *Quần thư khảo biện* (4 quyển), *Thánh mô hiền phạm lục*, *Âm chất văn chú*.

Ngoài ra, Lê Quý Đôn là tác giả của những bộ sách mang tính bách khoa: *Văn Đài loại ngữ* (4 quyển), *Phủ Biên tạp lục* (7 quyển), *Kiến văn tiểu lục* (3 quyển).

Thật hiếm có tác giả Việt Nam nào lại trước tác nhiều như Lê Quý Đôn. Có thể nói, cuộc đời và sự nghiệp của Lê Quý Đôn luôn gắn bó với sách vở và giáo dục (nhất là khi ông làm ở Quốc Sử quán và Quốc Tử giám). Ông



Nho sĩ xưa.

đã từng tự nhận xét: *Tôi vốn người nông cạn, lúc bé thích chứa sách, lúc trưởng thành ra làm quan, xem lại sách đã chứa trong tủ, vâng theo lời dạy của cha, lại được giao du nhiều với các*

bậc hiền sĩ, đại phu. Thêm vào đấy, phụng mệnh làm việc công, bốn phương rong ruổi... đi đến đâu cũng để ý, tìm tòi, phần việc gì mắt thấy tai nghe đều dùng bút ghi chép, lại phụ thêm lời bình luận sơ qua, giao cho tiểu đồng đựng vào túi sách... (Lời tựa, sách Kiến văn tiểu lục).

Sử gia Phan Huy Chú viết về ông: “Ông tư chất khác đời, thông minh hơn người mà giữ tính nết thuần hậu, chăm học không biết mỏi, tuy đỗ đạt vinh hiển mà tay vẫn không rời quyển sách.” (*Lịch triều hiến chương loại chí*).

Trong các trước tác của ông, *Phủ biên tạp lục* (PBTL - được viết trong thời gian ông làm Hiệp trấn ở Thuận Quảng) là tập sách viết về Đàng Trong (chủ yếu là xứ Thuận Hóa và Quảng Nam) từ thế kỉ XVIII trở về trước. Trước đó, chỉ có *Ô châu cận lục* của Dương Văn An viết về xứ Thuận Hóa. Có thể nói, PBTL là sách ghi chép đầy đủ, kỹ càng nhất (cho đến thời bấy giờ) về chính trị, lịch sử, kinh tế xã hội Đàng Trong. Tác phẩm này là một trong những cơ sở cho các sử gia nhà Nguyễn biên soạn *Đại Nam thực lục tiền biên*, và chắc hẳn là cơ sở giúp Trịnh Hoài Đức biên soạn *Gia Định thành thông chí*.

PBTL có nhắc khá nhiều đến vùng Đồng Nai - Gia Định. Từ lịch sử hình thành: “Năm 19 niên hiệu Chính Hòa (năm Mậu Dần), chúa Phúc Chu sai Chưởng cơ Lễ Thành hầu mang quân đi đánh nước Cao Miên, lấy được đất Đồng Nai rất phì nhiêu, đặt là phủ Gia Định. Còn hai huyện Phước Long và Tân Bình thì được thiết lập làm dinh Trấn Biên và dinh

Phiên Trấn...”, đến số huyện, tổng, xã, thôn, trại; về hình thế núi sông, thành lũy, trị sở, đất đai, nhân tài, thi văn, vật sản và phong tục của vùng Đồng Nai - Gia Định.

Ngô Thì Sĩ, học giả lớn thế kỉ 18 đánh giá về PBT: *“Sách này chép về hai xứ Thuận Hóa, Quảng Nam, ghi rõ: Núi, sông, thành ấp, ngách binh, thuế má, nhân tài, sản vật cùng là họ Nguyễn đời nọ nối đời kia, đầu đuôi thay đổi về việc đánh dẹp, đóng quân, rõ ràng dễ thấy như nhìn ngón tay trên bàn tay...”*

Có thể khẳng định, PBT là cuốn sách đầu tiên ghi chép đầy đủ mọi mặt tình hình ở miền đất phía Nam nước ta, có giá trị như cuốn bách khoa thư về vùng đất này.

Lê Quý Đôn, nhà bác học lớn nhất không chỉ ở thế kỉ 18 mà của cả thời đại phong kiến nước ta. Không những chỉ có tri thức sâu sắc, rộng lớn về khoa học, ông còn là một chính trị gia có nhiều quan điểm tiến bộ về triết học, chính trị; là người thầy của sự nghiệp giáo dục thời bấy giờ. Ông thực sự là tấm gương sáng cho việc học tập, giáo dục của bất cứ thế hệ, bất cứ thời đại lịch sử nào.

Ngày nay, Lê Quý Đôn là một trong những danh nhân văn hóa nước Việt được nhân dân Biên Hòa - Đồng Nai thờ tự ở Văn miếu Trấn Biên.

Đó là việc thi cử nói chung ở Đàng Trong, mà chủ yếu là vùng Thuận - Quảng. Thời này, chỉ có một sự kiện đáng lưu ý nhất là việc chúa

Hiển Tông Nguyễn Phúc Chu cho xây dựng văn miếu ở Trấn Biên.

Giáo dục phong kiến ở vùng Đồng Nai - Gia Định thực sự tiến triển từ khi Nguyễn Phúc Ánh (tức vua Gia Long sau này) xưng Đại nguyên soái, cầm đầu tàn binh của chúa Duệ Tông Nguyễn Phúc Thuần (1765-1777) tiếp tục chống lại Tây Sơn (Mậu Tuất, 1778). Sau khi chiếm lại vùng Đồng Nai - Gia Định lần thứ nhất (1778), Nguyễn Ánh đã dốc sức tổ chức lại bộ máy cai trị, sắp xếp các khu vực hành chính, điều chỉnh mức thuế điền thổ, khuyến khích phát triển nông nghiệp. Dĩ nhiên, tất cả những việc này đều nhằm mục tiêu duy nhất là tăng cường binh mã để đủ sức chống đỡ những cuộc tấn công như vũ bão của phong trào Tây Sơn. Nhu cầu phục vụ chiến tranh đó càng đòi hỏi đến đội ngũ cán bộ nhiều hơn nữa. Vì thế, tập đoàn Nguyễn Ánh ra sức đề cao Nho giáo, trọng dụng và khuyến khích người có học. Năm Mậu Thân (1788), khi vua Quang Trung đang phải dốc toàn lực để chống lại 20 vạn quân Thanh ở phía Bắc, Nguyễn Ánh đã xua quân chiếm lại vùng Đồng Nai - Gia Định lần cuối cùng. Từ đây, Nam Bộ hoàn toàn thuộc về nhà Nguyễn. Một trong những việc hàng đầu của Nguyễn Ánh sau khi chiếm được Trấn Biên và Phiên Trấn là ra lệnh miễn binh dịch và đao dịch cho học trò. Cũng năm đó, Trịnh Hoài Đức (1765-1825) và Lê Quang Định – những đại thần

của triều Nguyễn sau này, đi thi và được bổ chức Hàn lâm viện chế cáo. Những người có thực tài này đã thăng tiến khá nhanh (năm sau, Trịnh Hoài Đức được cử Tri huyện Tân Bình, rồi Thị giảng cho Đông cung Cảnh...).

Từ đây, Nguyễn Ánh càng ra sức khuyến nông và đề cao Nho giáo hơn nữa. Tháng tư năm Tân Hợi (1791), mở khoa thi, chia làm 2 kì. Kì đệ nhất thi kinh nghĩa, truyện nghĩa và thơ. Kì đệ nhị thi chiếu, chế, biểu. Khoa này lấy trúng cách được 12 người. Tháng chạp năm Ất Mão (1795), Nguyễn Ánh ra quy chế về thi cử. Đến năm Bính Thìn (1796), khi đại tướng Tây Sơn Trần Quang Diệu vây khốn Nguyễn Văn Nhân ở thành Diên Khánh, Nguyễn Ánh một mặt phải đốc tất cả quân thủy bộ cứu viện, một mặt vẫn cho mở khoa thi, gồm 3 kì: kì đệ nhất thi kinh nghĩa và thơ; kì đệ nhị thi văn; kì đệ tam thi thơ phú. Khoa này lấy 273 người, trong đó có 14 người trúng Tam trường ⁽¹⁾. Chỉ trong vòng 5 năm, giữa 2 kì thi, số người đỗ đã tăng gấp 20 lần. Điều này chứng tỏ nhu cầu tuyển dụng cán bộ của tập đoàn Nguyễn Ánh, nhưng phần nào phản ánh sự phát triển của việc học ở vùng Đồng Nai - Gia Định.

Bên cạnh sự phát triển của Nho giáo theo con đường chính thống, trước và đồng thời là sự bùng nổ của giáo dục trong dân gian. Nếu

(1). Đại Nam thực lục, Nxb. Khoa học xã hội, tập 2, 1963.

như vào năm 1689, toàn phủ Gia Định mới chỉ có 40.000 hộ dân phiêu tán được tập hợp, song vẫn còn ở rải rác thì tới năm 1775, trên địa bàn của 3 dinh Trấn Biên, Phiên Trấn và Long Hồ đã có khoảng 42.500 đình, với hơn 1.300 thôn chính thức chịu thuế. Ngoài ra, toàn vùng còn có 45.000 quân, mà chủ yếu là *thuộc binh*. Riêng dinh Trấn Biên có 9.500 đình, 320 thôn và 10.320 quân. Từ những năm này, và nhất là từ sau khi Nguyễn Ánh chiếm phủ Gia Định lần cuối cùng (1788), dân cư không chỉ được tập trung, chăm lo sản xuất mà còn được liên tục bổ sung khá nhanh từ miền Thuận - Quảng do họ đi tránh các cuộc chiến tranh. Trong những đoàn người ấy, có nhiều người là nho sĩ hoặc chạy loạn, hoặc muốn hợp tác với Nguyễn Ánh. Dĩ nhiên, họ đem theo cả nền nếp Nho phong, chuyện học hành vào vùng đất mới. Vì vậy, tuy chính quyền chưa mở trường học, nhưng nhiều trường tư trong dân gian được mọc lên và tất nhiên không chỉ được người dân mà cả chính quyền phong kiến hết sức ủng hộ. Học trò có thể theo học các trường ở huyện, trấn. Muốn tiến xa hơn, theo học trường của nhà nho Võ Trường Toản, người sau này được tôn là “Thái Sơn Bắc đẩu” của sĩ phu Nam Bộ, hay trường của thầy giáo Đặng Đức Thuật nổi danh là “Đặng gia sử phái”... Trường của các danh sư này có đến hàng trăm môn sinh, nhiều người sau này đỗ đạt, thực sự là những nơi đào tạo nhân tài cho cả Nam Bộ.

VÕ TRƯỜNG TOẢN:



Cho đến nay, người đời vẫn chưa biết Võ Trường Toản sinh năm nào, ở đâu. Thế nhưng, nền quốc học Việt Nam luôn ghi nhớ ông vào danh sách những bậc danh sư nổi tiếng nhất. Sau khi Võ Trường Toản mất, nhà Nguyễn đã truy tặng ông danh hiệu Gia Định xử sĩ sùng đức tiên sinh và khắc lên mộ tám chữ đó. Mộ Võ Trường Toản còn có đôi câu liễn:

*Triều hữu quân danh, bán thuộc Hà Phần
cựu học,*

*Đầu Nam phong giáo, tề khâm Nhạc lộc
dư uy.*

Dịch nghĩa:

*Những người danh tiếng ở trong triều,
một nửa là học trò của ông,*

*Phong khí của sự giáo hóa ở phương Nam,
đều thừa hưởng uy tín còn sót lại của ông.*

Uy danh quả thật lừng lẫy!

Người ta chỉ biết Võ Trường Toản vốn người làng Thanh Khê, dinh Quảng Đức, tỉnh Thừa Thiên (nay là xã Thanh Khê, huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên - Huế). Tuy nhiên, ông cư ngụ lâu đời ở xứ Đồng Nai, thôn Hòa Hưng, huyện Bình Dương, phủ Tân Bình, tỉnh Gia Định. Gia đình Võ Trường Toản hẳn không phải là dân thường. Thuở nhỏ, ông đã là người giàu chí hướng, tôn sùng Nho học, giỏi văn chương. Lớn lên, Võ Trường Toản có tiếng là người thanh liêm, không đua chen lợi danh. Có tài liệu nói rằng ông từng có vợ và một người con gái, nhưng mất sớm.

Sống vào giữa thời loạn lạc, các thế lực phong kiến giành giật, xâu xé lẫn nhau, Võ Trường Toản không chịu tiến thân bằng con đường làm quan (tiến vi quan) mặc dù luôn được người cầm đầu tập đoàn phong kiến Đảng Trong lúc đó là Nguyễn Ánh tôn trọng và mời gọi. Ông chọn cuộc sống ẩn dật, thanh nhàn, bằng lòng với việc mở trường dạy học (thoái vi sư). Ngôi trường của Võ Trường Toản lúc bấy giờ, cùng với trường của nhà nho Đặng Đức Thuật ở Bình Thuận, là những trường học nổi tiếng nhất lúc bấy giờ.

Trường học của Võ Trường Toản ở Gia Định ngày một đông học trò. Nhiều bậc tài danh, người gánh vác những chức vụ rường cột của triều Nguyễn đều đã từng trực tiếp học hoặc chịu ảnh hưởng và tự nhận là học trò của ông: Trịnh Hoài Đức, Ngô Nhơn Tịnh, Lê Quang Định, Phan Thanh Giản, Nguyễn Thông, Nguyễn Đình Chiểu, Huỳnh Mẫn Đạt, Phan Văn Trị... Họ học ở ông không chỉ kiến thức mà trước hết là nhân cách, lối sống của một bậc trí thức lớn, giàu lòng yêu thương con người, coi thường lợi danh, phú quý.

Võ Trường Toản tuy tiếp thu Nho giáo, song lại có những quan niệm và phương pháp giảng dạy không giống như những nho sĩ đương thời ở Đàng Ngoài. Việc dạy dỗ học trò của Võ Trường Toản không nhằm mục đích khoa cử mà chủ yếu là dạy về nghĩa lí, coi trọng sĩ khí. Dạy về Khổng Mạnh, nhưng ông thiên về học thuyết tính Thiện của Mạnh Tử. Điều đặc biệt là Võ Trường Toản đã chú trọng kết hợp với truyền thống dân tộc Việt Nam, đặc biệt là truyền thống quật cường của người dân Nam Bộ. Hai phương châm *Tri ngôn* và *Dưỡng khí* được ông truyền thụ cho học trò cả về phương diện sách vở lẫn thực tế. Tri ngôn là thu nhận kiến thức qua lời dạy của thánh hiền, còn dưỡng khí là nuôi chí khí anh hùng, có tinh thần xả thân vì nghĩa lớn. Trong việc giảng dạy, ông thường dẫn ra những tấm gương dũng cảm, bất khuất trong lịch sử. Chính vì lẽ đó, sau này, khi thực dân Pháp xâm lược, chiếm các tỉnh miền Đông, sĩ phu Nam Bộ đã chủ trương dời mộ của *Thầy Võ* đi. Ông ghé Phan Thanh Giản,